

Bản án số: **01/2022/DS-ST**

Ngày: **04 - 01 - 2022**

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Thật

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lon

Bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 79/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021, về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2021/QĐST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 1070/TB-TA ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1970;

Bà **Bùi Thị Kim D**, sinh năm: 1980;

Nơi cư trú: thôn A, xã NT, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân Ng**, sinh năm: 1963;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn A, xã NT, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa;

Chỗ ở hiện nay: LS, xã NS, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1968;

Nơi cư trú: thôn A, xã NT, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.s

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2021 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D trình bày:

Ngày 14/4/2016, ông Nguyễn Xuân Ng và vợ là Phạm Thị H mượn ông Nguyễn Văn N, bà Bùi Thị Kim D 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*), hai bên lập giấy mượn tiền và thỏa thuận lãi suất theo Ngân hàng Đông Á và thời hạn trả là 2 năm. Ngày 30/5/2019, hai bên thống nhất gia hạn việc trả nợ và viết lại giấy vay tiền xác định thời hạn trả đến ngày 14/4/2020. Đến nay, ông N, bà H đã trả được 4.000.000đ (bốn triệu đồng) thì không trả nữa. Nay ông N, bà D yêu cầu ông N, bà H phải trả số tiền còn thiếu 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Xuân Ng trình bày: Ông N xác nhận ngày 14/4/2016, ông và vợ là bà Phạm Thị H có mượn ông Nguyễn Văn N, bà Bùi Thị Kim D 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*) và đã trả được 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*), hiện nay còn nợ ông N, bà D 46.000.000đ (*bốn mươi sáu triệu đồng*). Ông N đồng ý cùng bà H trả số tiền trên cho ông N, bà D nhưng đề nghị trả mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn Phạm Thị H để giải quyết vụ án nhưng bà H vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai của bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng vắng mặt là từ bỏ quyền và lợi ích của mình.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D, buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H phải trả 46.000.000đ cho ông N, bà D. Bị đơn ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H là bị đơn đã được Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng ông N có đơn xin vắng mặt, bà H vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H trả 46.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 14/4/2016 và ngày 30/5/2019. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 14/4/2016, ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H mượn của Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D 50.000.000đ, thỏa thuận lãi suất theo lãi suất Ngân hàng Đông Á, thời hạn trả nợ hai năm; ngày 30/5/2019, hai bên lập văn bản gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 14/4/2020. Nội dung, hình thức các giấy mượn tiền giữa các bên xác lập cơ bản phù hợp với quy định tại Điều 398 của Bộ luật dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử xác định các giấy mượn tiền này bản chất là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Mặc dù không lấy được lời khai của bị đơn bà Phạm Thị H nhưng căn cứ vào lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D xác định ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H mượn 50.000.000đ, đã trả 4.000.000đ, còn nợ 46.000.000đ; giấy mượn tiền ngày 14/4/2016 ông N, bà H ký xác nhận mượn ông N, bà D 50.000.000đ; giấy vay tiền ngày 30/5/2019 ông N xác nhận nợ ông N 50.000.000đ; lời khai của ông Nguyễn Xuân Ng xác nhận ông và bà Phạm Thị H còn nợ ông N, bà D số tiền 46.000.000đ. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định ông N, bà H còn nợ ông N, bà D số tiền 46.000.000đ là có căn cứ. Việc ông N, bà H không thanh toán tiền nợ đúng hạn cho ông N, bà D vào ngày 14/4/2020 là vi phạm thỏa thuận giữa hai bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, ông N, bà D yêu cầu ông N, bà H phải trả một lần số tiền nợ 46.000.000đ, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận. Ông N đề nghị trả mỗi tháng 1.000.000đ nhưng ông N, bà D không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông N.

[5] Bị đơn bà Phạm Thị H mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của bị đơn Phạm Thị H.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D, buộc ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H phải trả cho ông N, bà D số tiền 46.000.000đ và ông N, bà H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án là: 46.000.000đ x 5% = 2.300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn* ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D: Buộc ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H phải trả một lần cho ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D số tiền 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng).

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Xuân Ng và bà Phạm Thị H phải nộp 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N và bà Bùi Thị Kim D 1.219.000đ (một triệu hai trăm mười chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003817 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

3. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

* *Quy định chung:* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Thật